TÒA ÁN QUÂN SỰ **KHU VỰC 2 - QUÂN KHU 1**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HS-ST
Ngày 08/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC 2 - QUÂN KHU 1

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: 3/ Nguyễn Trung Kiên.
Các Hội thẩm quân nhân:
3// Phạm Tiến Lượng;
1// Ngô Minh Hoàng.
Thư ký phiên toà: 4/ Đặng Thanh Hùng, Thư ký Toà án quân sự Khu vực 2 - Quân khu 1.
Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 11 - Quân khu 1 tham gia phiên toà: 3/ Tống Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường Ban chỉ huy quân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Triệu Văn M**; sinh ngày 25/11/1985; giới tính: Nam; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; con ông Triệu Văn H (đã chết) và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1947; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/8/2018 đến nay; có mặt.

2. **Mã Văn T**; sinh ngày 03/9/1980; giới tính: Nam; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; con ông Mã Văn L, sinh năm 1956 và bà Triệu Thị Đ, sinh năm 1956; có vợ là Chu Thị H, sinh năm 1982 và 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ từ 17 giờ ngày 07/7/2018 đến 17 giờ ngày 10/7/2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. **Nông Văn N**; sinh ngày 27/7/1987; giới tính: Nam; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; con ông Nông Văn S, sinh năm 1967 và bà Hoàng Thị M, sinh năm 1965; có vợ là

Hoàng Thị M1, sinh năm 1988 và 03 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ từ 17 giờ ngày 07/7/2018 đến 17 giờ ngày 10/7/2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. **Nguyễn Văn T1**; sinh ngày 16/12/1995; giới tính: Nam; nơi sinh: Xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1970 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1971; có vợ là Triệu Thị L, sinh năm 1993 và 01 con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ từ 17 giờ ngày 07/7/2018 đến 17 giờ ngày 10/7/2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. **Hoàng Văn T3;** sinh ngày 12/9/1986; giới tính: Nam; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn S (đã chết) và bà Lã Thị P (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 và 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ từ 17 giờ ngày 07/7/2018 đến 17 giờ ngày 10/7/2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. **Hoàng Văn S;** sinh ngày 06/9/1987; giới tính: Nam; nơi sinh và nơi ĐKNKTT: Thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi ở hiện nay: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn Đ (đã chết) và bà Hoàng Thị P, sinh năm 1955; có vợ là Vi Thị B, sinh năm 1997 và 03 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/7/2018 đến nay; có mặt.

7. **Chu Văn Q;** sinh ngày 26/7/1991; giới tính: Nam; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; con ông Chu Văn L, sinh năm 1969 và bà Lường Thị Đ, sinh năm 1969; có vợ là Hoàng Thị Q, sinh năm 1991 và 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/7/2018 đến nay; có mặt.

8. **Vi Văn D;** sinh ngày 13/6/1988; giới tính: Nam; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; con ông Vi Văn V (đã chết) và bà Lý Thị L, sinh năm 1959; có vợ là Lương Thị B, sinh năm 1993 và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự:

Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/7/2018 đến nay; có mặt.

9. **Hoàng Văn T4**; sinh ngày 29/3/1993; giới tính: Nam; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn S, sinh năm 1953 và bà Vy Thị P, sinh năm 1953; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/8/2018 đến nay; có mặt.

10. **Luân Văn H**; sinh ngày 15/12/1985; giới tính: Nam; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; con ông Luân Văn T, sinh năm 1960 và bà Lý Thị L, sinh năm 1960; có vợ là Nông Thị M, sinh năm 1988 và 03 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ từ 17 giờ ngày 07/7/2018 đến 17 giờ ngày 10/7/2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người làm chứng: **Vi Văn M1**; sinh ngày 20/12/1976; nghề nghiệp: Làm ruộng; nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 07/7/2018, Triệu Văn M, Mã Văn T, Nông Văn N, Luân Văn H, Vi Văn M1 cùng ăn sáng tại quán ăn ở thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang, trong khi nói chuyện M, T, N, H cùng rủ nhau đánh bài ăn tiền. Sau đó M, N, T, M1 về trước, H về sau. Khi đi đến trước cổng đài quan sát thao trường bắn xe tăng, Đại đội A, Tiểu đoàn B, Trường bắn quốc gia Khu vực C, Quân khu 1 thuộc địa phận thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang, M bảo M1 về nhà lấy bài nhưng không nói cho M1 biết lấy bài để làm gì, M1 lấy một bộ bài tú lơ khơ mang đến tầng 2 đài quan sát thao trường bắn xe tăng nhưng chỉ thấy N nằm ngủ ở đó nên để bộ bài lại rồi đi về. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày M, T, N cùng nhau đánh bạc bằng hình thức chơi liêng được thua bằng tiền Việt Nam đồng, các bị cáo sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân do M1 để lại chia cho mỗi người 03 quân, sau đó tính điểm từ cao đến thấp, cao nhất là sáp gồm 03 quân bài giống nhau, tiếp theo là liêng gồm 03 quân bài liên tiếp, tiếp đến là ảnh gồm 03 quân bài hình người và cuối cùng là so điểm, người chia bài là người tố đầu tiền, người chơi khác có thể theo hoặc không theo tố. Khi bắt đầu chơi mỗi người góp 20.000 đồng gọi là tiền gà, tiền tố cao nhất là 100.000 đồng, người có bài cao nhất sẽ được toàn bộ số tiền gà và tiền tố, nếu ai có liêng thì thu thêm mỗi người 20.000 đồng, sáp thì thu thêm mỗi người 30.000 đồng. Sau khi thống nhất với nhau, các bị cáo bắt đầu đánh bạc, M lấy một bao tơ dứa ở góc đài quan sát trải xuống nền gạch để đánh bạc và chia bài đầu tiên. Trong quá trình đánh bạc có Hoàng Văn T3, Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn S, Vi Văn D,

Hoàng Văn T4, Luân Văn H, Chu Văn Q đến tham gia đánh bạc, lúc này các bị cáo cùng nhau thống nhất lại mức góp tiền gà là 10.000 đồng, tố cao nhất là 50.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày, trong khi các bị cáo đang đánh bạc với nhau thì bị Công an huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang bắt quả tang; Triệu Văn M, Vi Văn D, Chu Văn Q, Hoàng Văn T4 bỏ trốn; tiến hành kiểm tra tại hiện trường, Cơ quan công an đã thu giữ trên vỏ bao tơ dứa, xung quanh hướng các đối tượng bỏ chạy và trên người bị cáo T, S, T1 tổng số tiền 8.104.000 đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ, 01 bao tơ dứa; sau khi ra đầu thú Chu Văn Q giao nộp 120.000 đồng dùng để đánh bạc khi bỏ chạy đã cầm theo. Tổng số tiền các bị cáo đã và sẽ dùng để đánh bạc là 8.224.000 đồng.

Ngoài ra Cơ quan công an còn thu giữ 07 chiếc điện thoại di động, 05 xe mô tô tại hiện trường và do các bị cáo tự nguyện giao nộp. Trong quá trình điều tra xác định các bị cáo không dùng hoặc sẽ dùng để đánh bạc nên đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Sau khi bỏ trốn Vi Văn D, Chu Văn Q, Triệu Văn M, Hoàng Văn T4 đến Công an huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đầu thú.

Tại phiên tòa, các bị cáo Mã Văn T, Nông Văn N, Triệu Văn M khai: Sáng ngày 07/7/2018 trong khi ăn sáng T, N, M, H cùng nhau thống nhất, sau khi ăn xong sẽ đánh bài ăn tiền. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến cổng đài quan sát thao trường bắn xe tăng M bảo M1 về nhà lấy một bộ bài tú lơ khơ mang đến tầng 2 đài quan sát thao trường bắn xe tăng nhưng không nói cho M1 biết lấy bài để làm gì. Sau đó T, N, M cùng nhau đánh bài ăn tiền bằng hình thức chơi liêng, đồng thời thống nhất mỗi người bỏ tiền gà là 20.000, tố cao nhất là 100.000 đồng, các bị cáo sử dụng bộ bài tú lơ chia cho mỗi người 03 quân, sau đó những người chơi so bài với nhau, cao nhất là sáp, tiếp theo là liêng, tiếp đến là ảnh và cuối cùng là so điểm, người cao điểm nhất được lấy hết tiền gà và tiền tố, nếu ai có liêng thì mỗi người chơi phải nộp 20.000 đồng, nếu được sáp thì phải nộp 30.000 đồng, M là người chia bài đầu tiên và trải bao tơ dứa để đánh bạc; trong quá trình chơi có T3, T1, S, D, T4, H, Q đến đánh bạc, khoảng 14 giờ 15 phút thì bị công an bắt quả tang, M, T4, D, Q bỏ chạy; tiến hành kiểm tra hiện trường cơ quan công an thu giữ trên vỏ bao tơ dứa, xung quanh hướng những người bỏ chạy, trên người các bị cáo T, S, T1 số tiền 8.104.000 đồng; khi tham gia đánh bạc T có khoảng 2.600.000 đồng, N có 500.000 đồng, M có 180.000 đồng là số tiền đã và sẽ dùng để đánh bạc.

Các bị cáo Hoàng Văn T3, Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn S, Chu Văn Q, Hoàng Văn T4, Vi Văn D, Luân Văn H khai: Lời khai của các bị cáo T, N, M là đúng, khi đến đài quan sát thao trường bắn xe tăng thấy các bị cáo M, T, N đang đánh liêng ăn tiền đều tham gia cùng, khi có nhiều người tham gia đã cùng nhau thống nhất lại mức chơi mỗi người bỏ tiền gà là 10.000 đồng, tố cao nhất là 50.000, đến khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày thì bị công an bắt quả tang, D, T4, Q bỏ chạy sau đó ra đầu thú, khi ra đầu thú Q giao nộp 120.000 đồng tiền để đánh bạc; khi tham gia đánh bạc T3 có 500.000 đồng, T1 có khoảng 600.000 đồng, S có khoảng 150.000 đồng, Q có 300.000 đồng, T4 có 300.000 đồng, D có khoảng 300.000 đồng, H có khoảng 400.000 đồng là số tiền dùng để đánh bạc;

ngoài số tiền trên các bị cáo không dùng đồ vật hay tài sản gì khác để đánh bạc; khi đánh bạc không có ai cảnh giới, canh gác.

Người làm chứng Vi Văn M1 khai: Sáng ngày 07/7/2018 khi đi về qua cổng thao trường bắn xe tăng, M có bảo tôi về nhà lấy bài nhưng không nói cho tôi biết lấy bài để làm gì. Tôi lấy một bộ bài tú lơ khơ mang đến tầng 2 đài quan sát thao trường bắn xe tăng nhưng không gặp ai nên tôi để bài lại rồi đi về, còn sau đó các bị cáo đánh bài như thế nào tôi không biết.

Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang lập hồi 14 giờ 30 phút ngày 07 tháng 7 năm 2018 thể hiện: Hồi 14 giờ 30 phút ngày 07/7/2018 Công an huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang bắt quả tang tại đài quan sát thao trường bắn xe tăng, Trường bắn quốc gia Khu vực C, Quân khu 1 thuộc thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang có Mã Văn T, Hoàng Văn T3, Nông Văn N, Nguyễn Văn T1, Luân Văn H, Hoàng Văn S và một số đối tượng trốn thoát đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền; thu giữ 8.104.000 đồng bao gồm tiền thu trên chiếu bạc, xung quanh hướng các đối tượng bỏ chạy và do các bị cáo T, S, T1 giao nộp; 01 bao tơ dứa màu trắng, 01 bộ bài tú lơ khơ; 07 chiếc điện thoại di động; 05 xe mô tô.

Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú do Công an huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang lập hồi 14 giờ ngày 08/7/2018 xác định: Sau khi bỏ trốn Chu Văn Q ra đầu thú và giao nộp số tiền 120.000 đồng dùng để đánh bạc.

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKSQSKV11 ngày 28/9/2018 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 11, truy tố các bị cáo Triệu Văn M, Mã Văn T, Nông Văn N, Hoàng Văn T3, Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn S, Chu Văn Q, Hoàng Văn T4, Vi Văn D, Luân Văn H về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với các bị cáo theo Cáo trạng số 06/CT-VKSQSKV11 ngày 28/9/2018 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 11 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 36; khoản 2 Điều 35; Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Triệu Văn M từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng; xử phạt bị cáo Mã Văn T, Nông Văn N mỗi bị cáo từ 08 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, phạt bổ sung từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Do các bị cáo M, T, N đều làm ruộng, thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 35; Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 23.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 35; Điều 58 BLHS xử phạt các bị cáo Hoàng Văn T3, Hoàng Văn S, Chu Văn Q, Hoàng Văn T4, Vi Văn D, Luân Văn H mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 23.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự (BLTTHS), tịch thu tiêu hủy 01 bộ

bài tú lơ khơ gồm 52 quân, 01 bao tơ dứa; tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 8.224.000 đồng các bị cáo dùng vào việc đánh bạc;

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Triệu Văn M, Mã Văn T, Nông Văn N, Hoàng Văn T3, Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn S, Chu Văn Q, Hoàng Văn T4, Vi Văn D, Luân Văn H nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên. Do các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đều hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 4, Quân khu 1; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 11, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 10 giờ 30 phút đến 14 giờ 15 phút ngày 07/7/2018, các bị cáo Triệu Văn M, Mã Văn T, Nông Văn N, Hoàng Văn T3, Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn S, Chu Văn Q, Hoàng Văn T4, Vi Văn D, Luân Văn H đã có hành vi đánh bạc tại tầng 2 đài quan sát thao trường bắn xe tăng thuộc Đại đội A, Tiểu đoàn B, Trường bắn quốc gia Khu vực C, Quân khu 1 dưới hình thức đánh liêng được thua bằng tiền Việt Nam đồng. Tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 8.224.000 đồng. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS. Do đó Viện kiểm sát quân sự Khu vực 11 truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; các bị cáo M, T4, D, Q ra đầu thú; các bị cáo M, T, N, T3, S, Q, T4, D, H là người dân tộc thiểu số thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã

hội đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế; các bị cáo N, S, D, H, Q thuộc diện hộ nghèo; bị cáo T thuộc diện hộ cận nghèo; bị cáo T3 được Uỷ ban nhân dân xã Biên Sơn tặng Giấy khen vì có thành tích trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Đây là vụ án đồng phạm, các bị cáo đều là người thực hành. Bị cáo Triệu Văn M, Mã Văn T, Nông Văn N là những người cùng khởi xướng việc đánh bạc, đề ra cách thức, mức tiền mỗi ván chơi ban đầu và tham gia đánh bạc đầu tiên; các bị cáo Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn T3, Hoàng Văn S, Chu Văn Q, Hoàng Văn T4, Vi Văn D, Luân Văn H sau khi đến đều tham gia đánh bạc. Ngoài ra bị cáo Triệu Văn M là người yêu cầu Vi Văn M1 lấy bài, trải bao tơ dứa và là người chia bài đầu tiên nên phải chịu trách nhiệm cao nhất trong vụ án, bị cáo T, N chịu trách nhiệm sau bị cáo M, các bị cáo T1, T3, S, D, T4, H, Q chịu trách nhiệm sau bị cáo T, N.

Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. HĐXX xét thấy đa số các bị cáo là người dân tộc thiểu số; đang thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế; trước khi phạm tội các bị cáo có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng; được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định một thời gian thử thách nhất định đối với các bị cáo Triệu Văn M, Mã Văn T, Nông Văn N; áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn T3, Hoàng Văn S, Chu Văn Q, Vi Văn D, Hoàng Văn T4, Luân Văn H để giáo dục, cải tạo các bị cáo; thời gian các bị cáo T1, T3, H bị tạm giữ là 03 ngày (từ 17 giờ ngày 07/7/2018 đến 17 giờ ngày 10/7/2018) được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ (03 x 3 = 09 ngày). Do các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nghề nghiệp làm ruộng thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo T1, T3, S, Q, D, T4, H.

[4] Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Triệu Văn M, Mã Văn T, Nông Văn N; đề nghị áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn T3, Hoàng Văn S, Vi Văn D, Hoàng Văn T4, Luân Văn H, Chu Văn Q. HĐXX thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc hơn phù hợp với vai trò, điều kiện kinh tế, khả năng thi hành của các bị cáo;

Hành vi của các bị cáo trong vụ án đều là người thực hành nhưng bị cáo M, T, N là những người cùng khởi xướng việc đánh bạc, đề ra cách thức, mức tiền mỗi ván chơi, tham gia đánh bạc đầu tiên nên phải chịu trách nhiệm cao hơn các bị cáo khác. Vì vậy, HĐXX thấy cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo M, T, N để răn đe, giáo dục người phạm tội và nâng cao hiệu quả trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm;

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn T3, Hoàng Văn S, Vi Văn D, Hoàng Văn T4, Luân Văn H, Chu Văn Q Đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng hình phạt tiền; các bị cáo M, T, N đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. HĐXX thấy rằng, các bị cáo đều đang sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nghề nghiệp làm ruộng thu nhập không ổn định, gia đình các bị cáo N, S, D, H, Q thuộc diện hộ nghèo, bị cáo T thuộc diện hộ cận nghèo. Do đó căn cứ vào vai trò, điều kiện kinh tế, khả năng thi hành của các bị cáo trong vụ án nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo T1, T3, S, D, T4, H, Q và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo M, T, N là phù hợp.

[5] Trong vụ án Vi Văn M1 có mang 01 bộ bài tú lơ khơ đến tầng 2 đài quan sát thao trường bắn xe tăng theo yêu cầu của M, sau đó các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc. Tuy nhiên, M1 không tham gia đánh bạc và khi lấy bài không biết các bị cáo sử dụng để đánh bạc ăn tiền nên không có căn cứ để xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 8.224.000 (tám triệu hai trăm hai mươi tư nghìn) đồng, tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ từ A đến K đủ các chất rô, cơ, tép, bích; 01 bao tơ dứa màu trắng là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội theo biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang lập hồi 14 giờ 30 phút ngày 07/7/2018 và biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú lập hồi 14 giờ ngày 08/7/2018;

Ghi nhận trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp những tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo đúng theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Triệu Văn M, Mã Văn T, Nông Văn N, Hoàng Văn T3, Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn S, Chu Văn Q, Hoàng Văn T4, Vi Văn D, Luân Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố các bị cáo **Triệu Văn M, Mã Văn T, Nông Văn N, Hoàng Văn T3, Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn S, Chu Văn Q, Hoàng Văn T4, Vi Văn D, Luân Văn H** phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo **Triệu Văn M 09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18** (mười tám) tháng; bị cáo **Mã Văn T 08** (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **16** (mười sáu) tháng; bị cáo **Nông Văn N 08** (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **16** (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/11/2018) và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự;

Giao các bị cáo **Triệu Văn M, Mã Văn T, Nông Văn N** cho Uỷ ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người bị kết án được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự;

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T1 08** (tám) tháng cải tạo không giam giữ và thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án; được trừ đi 03 (ba) ngày bị tạm giữ (từ 17 giờ ngày 07/7/2018 đến 17 giờ ngày 10/7/2018) cứ 01 ngày bị tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T3 06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ và thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án; được trừ đi 03 (ba) ngày bị tạm giữ (từ 17 giờ ngày 07/7/2018 đến 17 giờ ngày 10/7/2018) cứ 01 ngày bị tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS xử phạt bị cáo **Hoàng Văn S 06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ và thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS xử phạt bị cáo **Chu Văn Q 06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ và thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS xử phạt bị cáo **Vi Văn D 06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ và thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T4 06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ và thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS xử phạt bị cáo **Luân Văn H 06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ và thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án; được trừ đi 03 (ba) ngày bị tạm giữ (từ 17 giờ ngày 07/7/2018 đến 17 giờ ngày 10/7/2018) cứ 01 ngày bị tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ;

Giao các bị cáo **Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn T3, Hoàng Văn S, Vi Văn D, Hoàng Văn T4, Luân Văn H** cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; giao bị cáo **Chu Văn Q** cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 8.224.000 (tám triệu hai trăm hai mươi tư nghìn) đồng, tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ, 01 chiếc bao tơ dứa là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội theo biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang lập hồi 14 giờ 30 phút ngày 07/7/2018 và biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú lập hồi 14 giờ ngày 08/7/2018.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, các bị cáo Triệu Văn M, Mã Văn T, Nông Văn N, Hoàng Văn T3, Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn S, Chu Văn Q, Hoàng Văn T4, Vi Văn D, Luân Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/11/2018) các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án quân sự Quân khu 1./.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT/TAQSTW;
- Văn phòng/TAQSTW (Qlý. LLTP);
- VKSQSQK1;
- VKSQSKV11;
- PTHAQK1;
- CQĐTHSKV4-QK1;
- CQTHAHS Công an huyện Lục Ngạn (10b);
- UBND xã Biên Sơn (09b);
- UBND xã Hộ Đáp;
- Các bị cáo (10b);
- Hồ sơ vụ án (02b);
- Lưu: Hồ sơ THAHS; K40b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

3/ Nguyễn Trung Kiên